

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-11-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Xuân Trường

2/ Ông Lê Hoàng Phúc

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 300/2019/TLST-HNGĐ, ngày 13/8/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1988. Nơi cư trú: số 269A, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, TP. HCM.

Bị đơn: Ông Phạm Quốc L, sinh năm 1983. Nơi cư trú: tổ 10, thôn 10, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2019; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Phạm Quốc L tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức

Tín vào ngày 14/01/2008. Ông bà có với nhau 01 con chung tên Phạm Bùi Anh T1, sinh ngày 29/5/2009. Trong cuộc sống vợ chồng giữa ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột. Nguyên nhân là do ông L thiếu quan tâm đến gia đình, vợ con; Ông L đi làm có tiền nhưng không mang về phụ giúp gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn về tài chính. Ông bà sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm. Hiện tại mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay bà T nhận thấy hôn nhân giữa bà và ông L đã thật sự bế tắc, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: Từ nhỏ đến lớn, cháu T1 đều do bà trực tiếp nuôi dưỡng và hiện tại đang sống chung với bà tại TP. HCM. Do đó, khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con T1 và không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Đức Linh đã thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có mặt nên không thể lấy lời khai của ông L cũng như tiến hành phiên họp theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, không chấp hành theo triệu tập của Tòa án. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông L thường xuyên mâu thuẫn, xung đột, vợ chồng sống ly thân từ hơn 01 năm nay vẫn không hàn gắn được tình cảm, hiện mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm lẫn nhau. Từ đó có căn cứ khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ. Về con chung: Xét thấy cháu T1 hiện nay đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng; cháu T1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó cần giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật. Các nội dung khác đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét trong vụ án này. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng quy định.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không có lý do và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét thấy bà T và ông L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ lời khai của bà T và giấy khai sinh của Phạm Bùi Anh T1 thì có đủ cơ sở xác định, Anh T1 là con của bà T và ông L. Về tình trạng hôn nhân: Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông L và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với lý do ông L sống thiếu trách nhiệm, thiếu quan tâm gia đình, vợ con. Vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay vẫn không hàn gắn được tình cảm. Lời khai này của bà T phù hợp với tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập. Ngoài ra, hiện tại bà T và ông L mỗi người sống một nơi, không còn qua lại thăm hỏi, quan tâm nhau. Từ đó có sở sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông L đã thật sự rạn nứt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ.

Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy cháu T1 hiện đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được sống chung cùng bà T khi cha mẹ ly hôn. Bà T có công việc và thu nhập ổn định và hiện tại cháu đang sinh sống và học tập ổn định cùng bà T tại TP. HCM. Do đó, căn cứ Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần giao cháu T1 cho bà T tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà T không yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì bà T là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thanh T.

- Về hôn nhân: Tuyên bố bà Bùi Thị Thanh T ly hôn ông Phạm Quốc L.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Bùi Anh T1, sinh ngày 29/5/2009 cho bà Bùi Thị Thanh T trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông Phạm Quốc L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025577 ngày 13/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/11/2019); bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã Đức Tín;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu

